

MỘT Ý HƯỚNG DẪN ĐẾN ĐOẠN ÁI BẰNG TUỆ TRÍ: TRUYỆN THƠ TRƯƠNG THIỆN HỮU

Nguyễn Văn Sâm

Cách nay hơn 10 năm, trong một lần xem tủ sách sưu tập của một nhân vật chơi sách tiếng tăm ở Saigon trên đường Trương Minh Giảng cũ, tôi được cho phép sao chép quyển truyện Nôm ít người biết đến: *Trương Thiện Hữu Diễn Ca* 張善有演歌. Bản văn viết bằng thứ chữ Nôm cực đẹp trên giấy mỏng của thời xưa gồm 40 tờ, mỗi tờ 2 trang viết một mặt, xếp đôi lại theo cách thông thường của sách xưa - như vậy sách gồm cả thảy là 80 trang.

Sách còn tốt, không bị cuốn góc, không mất chữ, chữ Nôm viết chân phương, gần như là không sai lỗi, lời văn giản dị. Mỗi trang mặt bên lẽ trái đều có hàng chữ nhỏ *Tịnh Minh hiệu* 並明号 (tên hiệu là Tịnh Minh) *Nguyễn Quang tự lục* 阮光字錄 (Nguyễn Quang chép chữ) Tuy vậy ở trang cuối cùng của sách lại có hàng chữ Nguyễn Thành Quang tự lục 阮誠光字錄. Như vậy người dịch và viết chữ Nôm truyện này là ông Nguyễn Thành Quang 阮誠光 tự hiệu Tịnh Minh. Ở trang đầu và trang cuối sách, có hàng chữ: *Kỷ Hợi niên, thập nguyệt, thập lục nhật* 己亥年拾月拾陸日 nghĩa là chép sách năm Kỷ Hợi, tháng 10, ngày 16. Tương ứng với năm Kỷ Hợi dương lịch phù hợp nhất với thời gian sách được chép có thể là các năm 1839, 1899 hay 1959. Biết đại cương là như vậy nhưng chưa vội phiên âm và giải quyết vấn đề chung quanh tác phẩm vì nghĩ đây là bản dịch/mô phỏng một truyện bình dân của Trung Hoa, phần tư tưởng của cá nhân ông Tịnh Minh chắc không có là bao, chúng tôi xếp cất, để thời giờ làm chuyện khác.

Gần đây người bạn đồng song ở trường Đại Học Văn Khoa Saigon thời đầu thập niên 60, anh Nguyễn Hiền Tâm, nguyên Giáo Sư trường Trung Học Hoàng Diệu, Sóc Trăng trong thập niên 60, có ý muốn hai đứa cùng bắt tay vào việc phiên âm và sơ chú với lý do bảo tồn di sản Việt, tôi nghĩ đó là việc đáng làm. Bất cứ công trình nào lớn nhỏ đối với văn học Việt, văn hóa Việt, vẫn đáng thực hiện nếu có thời giờ và có cái tâm. Và chúng tôi đã bắt đầu...

Trương Thiện Hữu là tên người, cũng có thể là tên một truyện, trong tập *Kim Cổ Kỳ Quan* theo sự mách của người viết bản Nôm ở đầu sách.

Kim Cổ Kỳ Quan, là một sưu tập các truyện lạ lùng của Trung quốc được lưu truyền vào thời Minh (1). Ở miền Nam nước Việt ta, những năm thật sớm của đầu thế kỷ 20 nhiều truyện trong tác phẩm này đã được dịch sang quốc ngữ đăng trên tuần báo *Nông Cổ Mìn Đàm* - do Cavanaggio và Lương Khắc Ninh chủ trương - dưới ngòi bút của Nguyễn Chánh Sắt. Trên tuần báo *Lục Tinh Tân Văn* - do Nguyễn Văn Của, Trần Chánh Chiêu, Lê Hoàng Mưu chủ trương - cũng có vài bản dịch của Nguyễn Dư Hoài. Những bản dịch đó đều bằng văn xuôi quốc ngữ đã in trên báo, ai có phương tiện đều có thể tìm đọc được (2).

Bản *Trương Thiện Hữu Diễn Ca* 張善有演歌 này trái lại bằng văn vần, dưới dạng chữ Nôm, viết tay, chưa từng được khắc in cho nên chưa bao giờ được giới thiệu (3).

Hơn trăm năm rồi, hơi chậm - nếu con số 1899 là chính xác, không phải là năm 1830 hay 1959 (4) - nhưng đã đến lúc ta, nếu trong khả năng, nên đưa bản văn này ra ánh sáng.

Điểm quan trọng của truyện này là tư tưởng Phật giáo, biến thái ra thành một hình thức thật bình dân cho phù hợp với căn cơ của đại đa số dân chúng.

Chuyện kể về vợ chồng Trương Thiện Hữu. tuy giàu có nhưng mộ đạo, ăn chay làm lành, xây cầu đắp lộ, giúp người nghèo khó neo đơn, thế nhưng cuối đời lại không như ý!

Giàu quá họ *chơi sang* làm hòn non bộ có lan can bịt bạc để trang hoàng. Trong làng có người Triệu Ngụy Yên nhà nghèo quá đói, mẹ chết không tiền chôn cất nên đến cạy ăn

cặp vài chỗ bịt bạc đó đem bán lấy tiền lo ma chay cho mẹ với lời nguyện kiếp này không trả lại được nguyện kiếp sau đầu thai lên làm con của chủ nhân ra công làm mọi trả món nợ mà mình buộc lòng vay.

Cách đó không lâu sau, trong một lần đi hóa trai xin tiền xây dựng lại ngôi chùa mình tu đã mục nát theo thời gian, một thầy sãi ở núi Đài Sơn tới nhà vợ chồng Trương Thiện Hữu và đã trú ngụ qua đêm. Vì tin tưởng gia đình này như một gia đình *cư sĩ thiện tâm* nên thầy sãi Đài Sơn gởi lại đây số vàng 100 lượng mình đã *tới hành* được của bá tánh để tiếp tục công việc hóa trai. Trương Thiện Hữu sau đó có chuyện phải vắng nhà, người vợ thấy tiền tối mắt đã từ chối trả lại vàng cho thầy sãi và thề bán mạng rằng mình chưa từng biết thầy, cũng chẳng có nhận giữ của cái gì của thầy gởi. Thầy sãi bỏ cuộc về chùa và chết sau đó không lâu, vì thất vọng quá sức do bị nói ngược khiến công việc chỉnh trang chùa không thành.

Năm nợ vợ Thiện Hữu sanh đôi đặng hai thằng con trai. Lớn lên, một tên phá tiền như nước của cha mẹ, một đứa chăm chỉ cặm cụi làm ăn để cha mẹ giàu khá thêm mỗi ngày. Quá tuổi trưởng thành chút ít thì cả hai đều lăn ra chết tức tưởi, đột ngột. Và rồi người vợ của Thiện Hữu cũng bị bệnh mù mắt, qua đời sau đó không lâu. Trương Thiện Hữu ngạc nhiên và bất bình về biến cố bi thương xảy đến cho gia đình mình, trong khi ông đã ăn chay làm phước bao nhiêu năm nay, nên đâm đơn kiện lên Thiên Tào.

Một hôm nợ ông đương ngủ, hồn được rước xuống Âm Ty để nghe giải trình sự việc. Diêm Vương cho biết rằng người vợ bị mù và chết sớm do kết quả việc làm sai trái của bà, hiện đang đền tội ở Âm Ty vì tráo trở giựt dọc và mắc lời thề dối. Rằng hai đứa con ông vốn là hồn hai người lạ, một người đến để trả nợ và người kia đến để đòi nợ. Thiện Hữu hỏi hai người con của mình - bây giờ đã trở lại thành Ngụy Yên và thầy sãi Đài Sơn - họ đều xác nhận là đúng như vậy nghĩa là chỉ nhìn Thiện Hữu như *thân phụ* của họ trên cuộc đời trần gian của kiếp vừa qua mà thôi, chẳng phải *hồn phụ* miên viễn cho nên xuống Âm Ty rồi thì nhìn nhau xa lạ -.

Trương Thiện Hữu bấy giờ mới hiểu ra lẽ nhân quả của đời sống, mới hiểu cán cân tạo hóa và sự thúc đẩy để vận hành cuộc đời, ông không thắc mắc nữa về chuyện biến thiên bi thương của gia đình mình, chỉ xin được chia sẻ nhục hình cho vợ nhưng Diêm Vương phán rằng: *Tội vợ, vợ chịu, chồng về dương gian*. Ai làm nấy chịu. Hồn Trương Thiện Hữu vì vậy được đưa trở lại dương thế, nhập vào xác.

Thiện Hữu tỉnh lại, ngộ ra lý chứng nhân quả cùng sự báo ứng ở đời này và cả ở chốn Âm Ty khi con người giả tử dương thế, nên quyết tâm dứt bỏ tất cả của cải thế gian, giao tài sản cho làng giữ gìn việc cúng kiến dòng họ mình, ông phân phát tặng người nghèo khổ tất cả mọi thứ từ nhà cửa đến vật dụng. Với hai bàn tay trắng còn lại ông quyết lòng theo Phật đạo mong thoát kiếp luân hồi vì đã hiểu ra lẽ tạm bợ vô thường báo ứng.

Người viết truyện này muốn truyền bá luật nhân quả một cách thiết để hiểu để gây ấn tượng đối với đại đa số dân chúng,

(1) rằng ở đời nếu ta làm việc gian ác thì sau này sẽ bị đày đọa,

(2) rằng *con cái ta* phá gia chi tử hay xây dựng sự nghiệp nhà đều vốn là những kẻ xa lạ chẳng liên quan gì với ta, ta thiếu nợ nó hoặc nó thiếu nợ ta lúc nào đó kiếp này hay kiếp trước chưa thanh toán xong,

(3) rằng trong đời sống nếu ta làm điều sai trái vô nhân dẫu cả gia đình đều hưởng lợi nhưng khi chết đi thì tội tình chỉ một mình gánh chịu.

Truyện, như vậy sẽ giúp người nghe dứt bỏ được *sự ràng buộc quá đáng* của cha mẹ đối với con cái, chấm dứt sự thương yêu vô lý hay lo lắng tích trữ của cải vốn liếng quá hơn sự cần thiết của chúng, khiến bậc cha mẹ có những hành vi như con bệnh tinh thần không còn biết phân biệt giữa tình thương và sự nô lệ mù quáng.

Sự trình bày như vậy có ích lợi đối với đời sống hằng ngày, nhờ tạo được những con người làm lành bỏ ác nhưng cũng có thể tạo ra thái độ lãnh cảm, dửng dưng, xa lạ hay lợi dụng giữa những người trong gia đình nếu nghĩ không thấu đáo thông điệp mà người viết truyện muốn trao truyền.

Ta nghĩ thế nào về sự lỏng lẻo của gia đình, của xã hội khi mọi người đều tin tưởng

rằng con là nợ, vợ là oan gia, cửa nhà là nghiệp báo? Ta nghĩ thế nào về hành vi đợ vợ bán con cho kẻ ngoại nhân ở tuốt những xứ xa xôi mình không bao giờ biết? Ta nghĩ thế nào khi nhìn những người cha người mẹ nhắm mắt bất nhân tạo cho con cái quyền kế thừa vô lý ăn trên ngồi trốc trong khi dân đen cả nước biết bao nhiêu người tài giỏi hơn, kinh nghiệm hơn? Vô cảm với số phận con cái hay bất công với người chung quanh để xây dựng cuộc đời chúng một cách quá đáng đều là những thái cực không đúng với vai trò của con người trong xã hội mà gia đình là nền tảng và con người là cá thể tự do. Nghĩ rằng sự có mặt của con cái như là *kẻ nợ mình / kẻ mình nợ* sẽ tổn thương rất nhiều đối với kết cấu của gia đình và xã hội.

Phải hiểu sự ra đi của vợ con như là kết thúc một *quá trình sanh-hoại* tự nhiên của tạo hóa để ta không bị ràng buộc do lòng thương xót quá đáng với những hình bóng cũ, ta dễ dàng cất áy với những gì đã qua mà sống cho cái còn lại hiện tại, giống như câu ca dao xưa đã dạy: *Cái cuộc lặn lội bờ cù/ Sống lấy chết giả như ta lấy mình* (5). Trương Thiện Hữu hiểu đều đó nhờ sự giải thích của Diêm Vương (6), ông không còn nhớ thương hay giận hờn hai đứa con của mình nữa, ông không lo lắng về sự bị trừng phạt của vợ ông nữa, ông chú tâm tu dưỡng cái tâm mình trong giai đoạn mới của cuộc sống: Tu đạo Di Đà, trở về với chân tâm, với bản lai diện mục của mình.

Nhưng mấy ai dừng lại được ở chỗ phải dừng và thấy đường hướng đúng phải đi như Trương Thiện Hữu? Người đời nghe chuyện nhân quả về vợ con trong chuyện Trương Thiện Hữu phần nhiều chỉ nghĩ đến người mắc nợ mình mà không nghĩ đến phần mình mắc nợ người. Họ nghe chuyện vợ con nguyên ủy là người xa lạ kết hợp kiếp này vì duyên nghiệp, vì tương ứng, thì lắc đầu xua đuổi ý nghĩ đó, biện minh bằng lý do dòng máu, nóm ruột, chần gối tình nghĩa... và họ có thể làm bất cứ chuyện gì, kể cả thật ác độc với người chung quanh, với cả dân tộc nếu cần, để đem lợi lộc về cho con cái, cho người phối ngẫu. Họ thấy Trương Thiện Hữu xả phóng cả gia tài thiên vạn của mình, còn lại tay không đi tu chắc sẽ chê là không tưởng, mê tâm... Và cái thông điệp của truyện gửi đến nhân gian bao nhiêu năm nay - đối với con cái phải phải phân phân thời, luôn luôn nhớ câu *nhà đều ăn cả tội mang một mình*, không làm bậy, biết *đoạn ái, cát tình đúng lúc* để tu dưỡng thân tâm của mình - chắc gì đã có người nghe, người theo?

Xuất hiện cuối thế kỷ 19 lại nằm im trong tủ sách bấy lâu nay, tác phẩm này cũng chỉ ảnh hưởng tới số người Việt Nam có thể đếm được trên đầu ngón tay. Điều đáng nói là sự hiện diện của nó cho thấy lòng tin nơi lý nhân quả báo ứng của người thời đó. Điều truyện muốn nói đã nói, nói có hữu lý hay không chẳng thành vấn đề, truyện có thể tạo những phản ứng phụ hay không, người viết nguyên thủy cũng chẳng quan tâm, miễn là chuyên chở được phần nào điều mình cần nói.

Trở về năm truyện này được dịch sang Nôm. Chúng tôi căn cứ trên cách dùng chữ của bản văn. Chẳng hạn như chữ *phân rày, thô mới, vậy thì, vậy vay, vậy mà, bây giờ, một khi..* những chữ này vốn không thêm nghĩa cho câu văn, được sử dụng nhiều lần để đưa đẩy câu văn khi bí văn.

Cách *nhập truyện* thiết là công thức, dùng *Trước bày đời vua...* giống như nhiều truyện Nôm xưa mà thời gian xuất hiện được coi như là thế kỷ 19 (7).

Cách *giới thiệu* nhân vật quan trọng bằng nhóm từ: *Có người quê ở, cách giới thiệu nhân vật phụ thì: có người cũng ở...* như là mấy chữ *có người* thực hiện được phép màu biến hóa làm cho hiển hiển nhân vật ra trước mắt độc giả không bằng! *Bắt đầu một sự kiện* sắp được mô tả thì dùng chữ *rày. Chuyển tiếp* thì dùng *thoát đoạn, này đoạn* (8). *Cuối câu* nói thì thường cầu viện chữ *vay...*

Ngoài ra tác phẩm còn có quá nhiều chữ có thể gọi là độc dụng của người miền cực Nam không thấy có mặt ở miền ngoài như *dòm nhắm, biểu dừng* (9), *xong xả...*

Những điều này hợp lại cho ta kết luận rằng bản văn phải ít nhất được viết ra trước *U Tình Lục* của Hồ Biểu Chánh (10) và xuất hiện ở đồng bằng Cửu Long. Nói rõ hơn là dịch giả bản Nôm đã thấy lòng mình cộng hưởng với những điều viết trong nguyên bản và đã cảm khái lẽ đạo lẽ đời nên phóng bút viết nên tác phẩm này với mục đích đánh thức lòng của giới bình dân, thôn dã. Đẩy mạnh hơn lý luận này, ta có thể kết luận mà không sợ sai rằng Tịnh

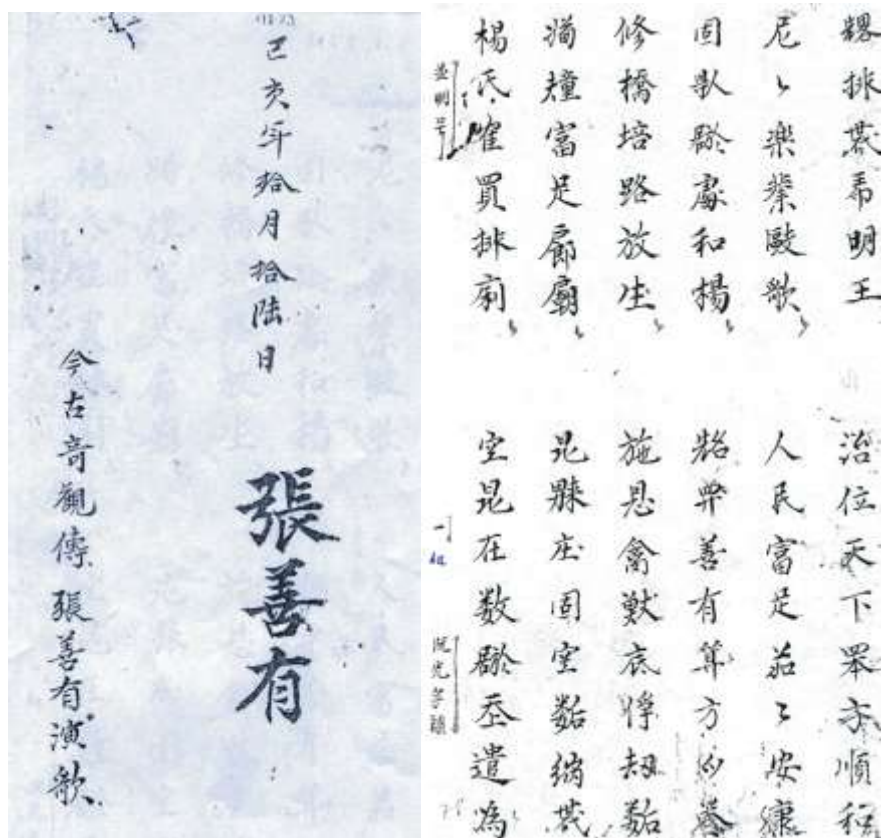
Minh 並明 là một cư sĩ Phật giáo, một nhà sư nói theo nghĩa rộng của từ này viết ra vì mục đích truyền bá lẽ đạo.

Diễn dịch lại bằng ngôn ngữ Việt, cách nói Việt, chắc chắn rằng ông Tịnh Minh Nguyễn Thành Quang muốn đem tâm sự ngậm ngùi của mình ngõ cùng ai hay!

Bạn đọc hỏi phần văn chương của truyện có gì lạ để ta phải nói tới?

Xin trả lời là người xưa dịch tác phẩm từ chữ Hán sang chữ Nôm đều là **sáng tác lại** về mặt kỹ thuật nên một chữ dùng gợi cảm, một đoạn mô tả tài hoa đều là công của người dịch. *Chinh Phụ Ngâm, Đoạn Trường Tân Thanh, Tỳ Bà Hành, Chúc Cầm Hối Văn (11), Trường Hận Ca, Xích Bích Phú...* là những thí dụ. *Trương Thiên Hữu Diễn Ca* không được xếp vào các trường hợp trên nhưng một vài đoạn của truyện như đoạn tổng táng Ác Hữu, đoạn Thiên Hữu qui định phân phát gia tài... và những cáo trạng viết bằng thể tứ tự là những đoạn văn đáng chú ý về mặt văn chương.

Chúng tôi phiên âm, giới thiệu âu để hiểu phần nào tín ngưỡng người Việt Nam cuối thế kỷ 19, nghĩ rằng cũng không phải đã làm điều vô ích, trên mây!



Tựa và năm viết của truyện thơ Trương Thiên Hữu (trái);
Trang đầu của truyện thơ Trương Thiên Hữu (phải)

Quyển sách chúng tôi cho xuất bản dưới tựa đề *Tội Vợ Vợ Chịu*, nhà xuất bản Viện Việt Học, CA, USA, 2013, mà bài này là Lời Vào Sách, phần phiên âm và chú thích là công trình chung của hai người bạn, có thể kể nhiều người ít, nhưng đã đồng thuận trên mọi chi tiết, bài viết này riêng một mình tôi, Nguyễn Văn Sâm, chấp bút và chịu trách nhiệm về những bất cập nếu có.

Victorville, CA 10-10-2010

(Viết theo bản phiên âm của Nguyễn Văn Sâm và Nguyễn Hiền Tâm)

Mọi góp ý về bài này và quyển **Tội Vợ Vợ Chiu** xin gửi về
samnguyen20002002@yahoo.com)

- (1) Dò hết các truyện trong *Kim Cổ Kỳ Quan* vẫn không thấy chuyện *Trương Thiên Hữu*, chưa biết giải thích như thế nào về điều này! Có thể là sách *Kim Cổ Kỳ Quan* có nhiều bản in khác nhau mà điều kiện của chúng tôi chưa đủ để biết hết.
- (2) Tuần báo *Nông Cổ Mìn Đàm* 農賈茗談 ở Việt Nam, một Thư Viện ở Sài Gòn có 150 số đầu tiên, ở Pháp còn giữ lại được những vi phim hơn một chục năm của tờ tuần báo này, qua nhiều đời chủ bút.
- (3) Chúng tôi không biết gì về ông Tịnh Minh Nguyễn Thành Quang 並明阮誠光, chỉ biết ông là người Nam do cách viết chữ Nôm của ông và nhiều chữ dùng rắc rờng Nam kỳ, quý vị đọc vào truyện sẽ thấy điều này. Riêng hai câu thơ rất được phổ biến ở Miền Nam được ông viết ở trang 40a rất đáng chú ý: *Mượn coi thời chẳng tiết chi* 嚙口時庄節之/ *Coi rồi không trả mất công đi đòi* 口耒空呂迭功移隊. Chữ 節 phiên âm ra phải là *tiết*, như cách viết chánh tả thường thấy ở Miền Nam, đặc biệt lập đi lập lại nhiều lần trong tác phẩm *Tuồng Ông Giacob và Các Con*, nhà in Jh Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn 1927.
- (4) Con số 1959 bị loại vì thời này người dịch truyện Trung Hoa ra văn vần đã khó có, viết bản dịch bằng chữ Nôm, trên giấy mỏng là việc có xác xuất quá nhỏ, coi như không thể xảy ra. Con số 1839 không hữu lý vì thời ấy Lục Tỉnh là vùng đất mới, chưa ổn định về nhiều mặt việc dịch/mô phỏng một tác phẩm theo cách *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du ngoài Bắc hay *Song Tinh Bất Dạ* của Nguyễn Hữu Hào chưa có điều kiện để thực hiện. Con số 1899 vì vậy khả thể được chấp nhận nhất.
- (5) Trích *Quốc Phong Đệ Nhất Thi* 國風第一詩, bản Nôm, in trong quyển *Sáu Truyện Thơ Nôm đầu thế kỷ XX*, do GS Nhan Bảo và TS Thích Đồng Văn giới thiệu, xuất bản ở Sài Gòn năm 2006. Trong sách này chữ [谷鳥] được phiên thành *cốc*, chúng tôi đọc *cuốc* là âm địa phương của *quốc*. Câu này cũng có chữ *giả* là âm địa phương của *trả*.
- (6) Vai trò Diêm vương ở đây ta nên hiểu như biểu tượng, có thể là một nhà sư, một người am hiểu Phật đạo, một thiền giả, một cư sĩ, một học giả, một nhà văn... giải thích có uy tín, đầy chứng cứ thuyết phục để người nghe dứt bỏ lòng oán trách mà tìm về đạo. Người xưa sáng tạo ra vai trò Diêm Vương trong truyện để tạo tối đa niềm tin cho người đọc. Tới giờ đây cái điểm mạnh một thế kỷ trước có thể đã trở thành nhược điểm nhưng nhiệm vụ và kết quả tích cực của sự giải thích thì vẫn còn đó.
- (7) Thơ Lý Công: *Trước bày đời vua Bửu Vương*. Thơ Tống Trân: *Trước bày đời vua Thái tông/ Trị vì thiên hạ Tây Đông an hòa...*
- (8) Giống như truyện Tàu chuyển tiếp qua đoạn khác, nói sang hoạt động của nhân vật khác thì dùng: *Đây nói về...*
- (9) Ca dao ở Miền Bắc: *Con đã bảo mẹ rằng đừng. Mẹ ấm mẹ ở mẹ bê ngày vào..*
- (10) Cụ Hồ Biểu Chánh viết tiểu thuyết bằng thơ lục bát *U Tình Lục* vào thập niên đầu của thế kỷ 20 trước khi viết thiệt nhiều tiểu thuyết bằng văn xuôi để trở thành nhà văn hàng đầu về mặt này của Miền Nam tiền bán thế kỷ 20.
- (11) Ít người biết, xin trích thiệt ít: *Lang quân từ lãnh chiếu trời,/Quét thanh ong kiến phủ nơi biên thùy/Cúi đưa bên đong lòng quì/Hà kiêu muôn dặm nguyện ghi một lời/Bang sầu đấm ướt khăn hồng/Cúi dâng lời tặng nên công trọng niềm/ Trăm năm phận cải duyên kim/ Chớ sao biển ái mưa chìm nguồn ân....* So sánh với nguyên bản ít tình cảm hơn nhiều: *Quân thừa hoàng chiếu an biên thú/ Tống quân tống biệt hà kiêu lộ/Hàm bi yếm lệ tặng quân ngôn/ Mạc vong ân tình cánh trường khứ.* (Trích bản Nôm sưu tập của NVS.)